TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.
2/ Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1604/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/11/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1979. (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Minh Ph, sinh năm 1976. (vắng mặt).

Cùng ngụ địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Qua mai mối, giới thiệu bà và ông Ph tìm hiểu nhau thời gian khoảng hơn 01 tháng thì cưới nhau, tổ chức đám cưới năm 2008, do hai vợ chồng làm công nhân, chỉ nghỉ được vài ngày, sau khi cưới thì lên lại Củ Chi đi làm nên không đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Ph ghen tuông vô cớ và thường xuyên bỏ nhà đi,… nên hai vợ chồng thường xuyên cải vả. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Lê Minh Ph.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Trần Bảo Đ, sinh ngày: 15/01/2010 và Lê Trần Đăng K, sinh ngày: 03/02/2016. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, bà không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu, khai sinh con (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Lê Minh Ph; Giao hai con chung cho bà L trực tiếp giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L là không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có; Về án phí bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Ph đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Ph vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh Ph và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau và không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà L là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lê Minh Ph; Bà L cho rằng mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Ph ghen tuôn vô cớ và thường xuyên bỏ nhà đi,… nên hai vợ chồng thường xuyên cải vả. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là có cở sở chấp nhận theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 17 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Trần Bảo Đ, sinh ngày: 15/01/2010 và Lê Trần Đăng K, sinh ngày: 03/02/2016.

Xét yêu cầu của bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, hiện hai con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng và hai trẻ cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L là không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà L phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 14; Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 17 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị L và ông Lê Minh Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Lê Trần Bảo Đ, sinh ngày: 15/01/2010 và Lê Trần Đăng K, sinh ngày: 03/02/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L là không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông Ph lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Ph.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Trần Thị L phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2022/0020182 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương